

 VIMCERTS 011	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF HO CHI MINH CITY TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU INFORMATION TECHNOLOGY CENTER OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BA RIA - VUNG TAU PROVINCE Địa chỉ trụ sở chính: Số 68, đường Hà Huy Tập, Phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh Địa chỉ phòng thí nghiệm: 28B Thị Sách, Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh - Tel: 0254.371.2345 Website: https://ttcentnmt-sonnmt.baria-vungtau.gov.vn	  VILAS 149
B25.56/QTMT STT: 098	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 29/09/2025 Trang (Page): 01/02

1. Tên mẫu

: (Lấy mẫu lúc 9h20) Nước thải đầu cuối sau xử lý tại điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Phú Mỹ I của Công ty TNHH NS Bluescope Việt Nam. Tọa độ X: 1.170.423; Y: 422.600.
- Sample Name
2. Ngày nhận mẫu

: 18/09/2025.
- Date of receive sample
3. Khách hàng

: Công ty TNHH NS BlueScope Việt Nam.
- Customer
4. Kết quả thử nghiệm

:
- Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. COD*	mg/l	SMEWW 5220D:2023	52
2. Tổng Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	23
3. Sunfua (S ₂ ⁻)	mg/l	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (< 0,12)
4. Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	TCVN 5988:1995	1,45
5. BOD ₅ *	mg/l	TCVN 6001-1:2021	7,2
6. Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,009)
7. Tổng N*	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH(<10,0)
8. Tổng P*	mg/l	TCVN 6202:2008	0,16
9. Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (<3,0)
10. Asen (As)	mg/l	ASTM D2972(C)-15	KPH (<0,0100)
11. Thủy ngân (Hg)**	mg/l	SMEWW 3112B:2023	0,00017
12. Chì (Pb)*	mg/l	SMEWW 3113B:2023	KPH (<0,0100)
13. Cadimi (Cd)	mg/l	ASTM D2972(D)-17	KPH (<0,0023)

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm phân tích mẫu./ This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Information Technology Center of Natural Resources and Environment. Test result(s) only are valid at the time the samples are analyzed.

 VIMCERTS 011	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF HO CHI MINH CITY TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU INFORMATION TECHNOLOGY CENTER OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BA RIA - VUNG TAU PROVINCE Địa chỉ trụ sở chính: Số 68, đường Hà Huy Tập, Phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh Địa chỉ phòng thí nghiệm: 28B Thị Sách, Phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh - Tel: 0254.371.2345 Website: https://ttcentnmt-sonnmt.baria-vungtau.gov.vn	 Hac-MRA	 VILAS 149
B25.56/QTMT STT: 098	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 29/09/2025 Trang (Page): 02/02	

14. Kẽm (Zn)*	mg/l	SMEWW 3120 B: 2023	KPH (<0,050)
15. Xyanua (CN ⁻)	mg/l	TCVN 6181:1996	KPH (<0,008)
16. Sắt (Fe)*	mg/l	SMEWW 3120 B: 2023	0,130
17. pH		TCVN 6492:2011	7,3
18. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	30,2
19. Crôm III (Cr ³⁺)	mg/l	Tham khảo TCVN 6658:2000-SMEWW 3120B:2023	KPH (<0,030)
20. Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	5,6

Ghi chú: Mẫu do tổ quan trực hiện trường lấy.
(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.
KPH: Không phát hiện.
(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

PHỤ TRÁCH PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
IN CHARGE OF ENVIRONMENTAL
MONITORING DEPARTMENT



Lê Thị Thanh Liễu

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Nguyễn Xuân Sơn

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm phân tích mẫu./ This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Information Technology Center of Natural Resources and Environment. Test result(s) only are valid at the time the samples are analyzed.